

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SƠN LA
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/HS-ST
Ngày 10/6/2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quảng Văn Khoa và bà Bùi Thị Bưởi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cầm Việt Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

- Đại D Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Trần Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 06 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 64/2020/TLST-HS ngày 21/05/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2020/QĐXXST- HS ngày 01/06/2020 đối với các bị cáo:

1. Lò Văn D (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 26/3/1992, tại huyện Q, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKHTT: Xóm 01, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 04/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông Lò Văn C, sinh năm 1959 và bà Lò Thị D, sinh năm 1962; bị cáo có vợ là Lò Thị D, sinh năm 1992 (đã ly hôn); bị cáo có 01 con, sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo đã 03 lần bị Tòa án xét xử:

+ Năm 2010 bị TAND huyện Q Nhai xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích).

+ Năm 2012 bị TAND huyện Q Nhai xử phạt 12 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích).

+ Năm 2014 bị TAND thành phố Sơn La xử phạt 18 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích); Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 16/02/2020 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lò Văn Q (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 20/7/1990, tại huyện Q, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKHTT: Xóm 04, Xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao

động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông Lò Văn T, sinh năm 1968 và bà Lường Thị Q, sinh năm 1970, bị cáo có vợ là Bạc Thị N, sinh năm 1992; bị cáo có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2016 bị TAND huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La xử phạt 12 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích (đã được xóa án tích); Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 16/02/2020 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Lò Thị T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 01/8/1978, tại huyện T, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKKHKT: Bản N, xã N L, huyện T, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; dân tộc: Khơ mú; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông Lò Văn P (đã chết) và bà Lò Thị L, sinh năm 1957; bị cáo có chồng là Cầm Mạnh H (đã chết); bị cáo có 04 con, (con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2003); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 16/02/2020 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ 00 phút ngày 16/02/2020, tổ công tác Đội cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế, ma túy phối hợp với Công an phường Chiềng Sinh - Công an thành phố Sơn La làm nhiệm vụ tại khu vực tổ 01, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La phát hiện, bắt quả tang tại phòng nghỉ số 406 nhà nghỉ Tùng Ngọc, Lò Văn D, Lò Văn Q (D và Q cùng trú tại xã M, huyện Q Nhai) và Lò Thị T (trú tại, xã N, huyện T) có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Vật chứng thu giữ: 03 gói giấy màu trắng có dòng kẻ bên trong mỗi gói có chứa cục bột màu trắng. D tự giác lấy trong túi áo khoác đang mặc trên người ra giao nộp và khai nhận là Heroine cất giữ để sử dụng; 01 gói giấy vỏ kẹo cao su màu xanh bên trong chứa 06 viên nén màu hồng hình tròn đồng dạng. Q tự giác lấy dưới chăn trên giường trong phòng nghỉ ra giao nộp và khai nhận là hồng phiến D cho để sử dụng. Ngoài ra cơ quan công an còn tạm giữ của Lò Thị T 01 chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng màu vàng nhãn hiệu OPPO, tạm giữ của Lò Văn D 01 chiếc điện thoại di động loại có bàn phím màu xanh đen nhãn hiệu NOKIA. Sau khi bị bắt, Lò Văn D và Lò Thị T khai ngoài số ma túy bị cơ quan công an thu giữ, D còn nhờ Lò Thị T cất giấu ma túy tại nơi ở (Phòng trọ) của T thuộc tổ 01, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La.

Ngày 16/02/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Sơn La tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lò Thị T tại tổ 01, phường Quyết Tâm, thành

phố Sơn La, thu giữ 01 chiếc tất vải màu xám bên trong có 01 gói nilon màu xanh chứa 40 viên nén hình tròn màu hồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận: Lò Văn D là đối tượng nghiện ma túy. Khoảng 15 giờ ngày 15/02/2020, Lò Văn D đi bộ từ nhà tại xóm 01, xã Mường Giàng, huyện Q Nhai đến bến xe khách huyện Q Nhai tìm mua ma túy để sử dụng. Tại đây, D gặp một người đàn ông không quen biết. Qua nói chuyện bị cáo Lò Văn D hỏi mua được 90 viên hồng phiến và 03 gói Heroine với giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Sau khi mua được ma túy Lò Văn D cất giấu số ma túy vừa mua vào túi áo khoác bên phải đang mặc sau đó đón xe khách ra thành phố Sơn La tìm nơi sử dụng ma túy. Khi đến thành phố Sơn La, D thuê phòng 102 nhà nghỉ Hà Thu thuộc tổ 01, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La. Sau đó D gọi điện cho Lò Thị T rủ T đến phòng nghỉ sử dụng ma túy, tại đây D và T cùng sử dụng hết 39 viên hồng phiến, 51 viên hồng phiến và 03 gói Heroine còn lại D đưa cho T nhờ cất giấu, T đồng ý và mang số ma túy trên về phòng trọ ở tổ 1, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La cất giấu. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 16/02/2020, D trả phòng và đi bộ ra khu vực bến xe khách thành phố Sơn La thì gặp Lò Văn Q, D rủ Q cùng thuê phòng số 406 nhà nghỉ Tùng Ngọc thuộc tổ 01, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La. Sau đó D gọi điện cho T nói T mang số ma túy trước đó D nhờ T cất đến phòng nghỉ 406 nhà nghỉ Tùng Ngọc, T đồng ý và mang số ma túy trên đến cho D. Tại đây, D lấy 03 gói Heroine và 11 viên hồng phiến cất vào trong túi áo khoác đang mặc, 40 viên hồng phiến còn lại D nhờ T mang về nhà trọ cất giấu hộ D (số ma túy trên đã bị thu giữ khi khám xét khẩn cấp nơi ở của Lò Thị T). Sau khi cất giấu ma túy xong, T quay lại nhà nghỉ Tùng Ngọc, trên đường đi T gặp Cẩm Thị Đại trú tại: bản Nhung, xã Chiềng Noy, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La T rủ Đại cùng đi sử dụng ma túy, Đại đồng ý. Lúc này, tại phòng nghỉ 406 nhà nghỉ Tùng Ngọc có Lò Văn D, Lò Văn Q, Lò Thị T và Cẩm Thị Đại, D lấy 05 viên hồng phiến ra cùng T, Đại, Q sử dụng, 06 viên ma túy còn lại D cho Q để sử dụng, Q lấy 01 tờ vỏ kẹo cao su màu xanh gói số ma túy trên giấu dưới chăn trên giường trong phòng nghỉ. Ngay sau đó, D, Q và T bị tổ công tác cơ quan công an thành phố Sơn La phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng.

Ngày 17 tháng 02 năm 2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Sơn La đã thành lập Hội đồng bóc mở niêm phong, cân tịnh và lấy mẫu giám định vật chứng, kết quả cân tịnh: 06 viên nén màu hồng có khối lượng 0,58 gam, lấy 03 viên khối lượng 0,29 gam làm mẫu gửi giám định chất ma túy, ký hiệu D1. 03 Gói giấy bên trong chứa cục bột màu trắng, gói thứ nhất có khối lượng 0,08 gam, lấy 0,04 gam làm mẫu gửi giám định chất ma túy, ký hiệu D3; gói thứ hai

có khối lượng 0,18 gam, lấy 0,09 gam làm mẫu gửi giám định chất ma túy, ký hiệu D5; gói thứ ba có khối lượng 0,08 gam, lấy 0,05 gam làm mẫu gửi giám định chất ma túy, ký hiệu D7. 40 Viên nén màu hồng có khối lượng 04 gam lấy 10 viên có khối lượng 0,98 gam làm mẫu gửi giám định chất ma túy, ký hiệu D9.

Ngày 17 tháng 02 năm 2020 Cơ quan CSĐT Công an thành phố Sơn La đã ra Quyết định trưng cầu giám định số: 549/QĐ đối với vật chứng ký hiệu D1, D3, D5, D7, D9. Ngày 19/02/2020 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La có Kết luận giám định số: 369, kết luận: “Mẫu gửi giám định ký hiệu D1, D9 đều là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là D1 = 0,9 gam, D9 = 0,98 gam. Mẫu gửi giám định ký hiệu D3, D5, D7 đều là ma túy; loại Heroine; khối lượng của mẫu gửi giám định là D3 = 0,04 gam, D5 = 0,09 gam, D7 = 0,05 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 4,58 gam loại Methamphetamine và 0,34 gam loại Heroine. Ngày 17/02/2020 tại Công an thành phố Sơn La, tổ công tác Công an thành phố Sơn La kiểm tra chất ma túy trong nước tiểu của Lò Văn D, Lò Văn Q và Lò Thị T. Kết quả đều Dương tính.

Tại phiên tòa các bị cáo trình bày ý kiến giữ nguyên lời khai của mình, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung nào làm thay đổi nội dung vụ án. Các bị cáo nhận tội như quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Tại bản Cáo trạng số 62/CT-VKSTP ngày 21 tháng 05 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La đã truy tố các bị cáo: Lò Văn D và Lò Thị T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lò Văn Q về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại D Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lò Văn D, Lò Thị T và Lò Văn Q phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và đề nghị áp dụng các căn cứ pháp luật xử lý đối với các bị cáo như sau:

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lò Văn D từ 54 (Năm mươi bốn) đến 60 (Sáu mươi) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 16/2/2020.

Xử phạt bị cáo Lò Thị T từ 48 (Bốn mươi tám) đến 54 (Năm mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 16/2/2020.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lò Văn Q từ 16 (Mười sáu) đến 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 16/2/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

- Về vật chứng của vụ án đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01(Một) chiếc điện thoại di động màu vàng, loại màn hình cảm ứng, mặt sau có chữ “OPPO” số Imei 1 có 05 số cuối 93074, qua sử dụng của bị cáo Lò Thị T. 01(Một) chiếc điện thoại di động màu xanh đen, loại bàn phím, phía trên có chữ “NOKIA” số Imei 5 số cuối 3229/1, qua sử dụng của bị cáo Lò Văn D.

Tịch thu, tiêu hủy: 01(một) phong bì niêm phong bên trọng đựng gồm: 03 vỏ phong bì niêm phong ban đầu đã bóc mở; 01 mảnh giấy vỏ kẹo cao su màu xanh; 03 mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ; 01 chiếc tất vải màu xám; 01 mảnh nilon màu xanh; Mẫu lưu D2 = 0,29 gam; D4 = 0,04 gam; D6 = 0,09 gam; D8 = 0,03 gam; D10 = 3,02 gam; 01 (Một) sim điện thoại mạng Mobifone, trên sim có hai hàng số, chữ cuối: 5408WD, qua sử dụng của bị cáo Lò Thị T; 01 (Một) sim điện thoại mạng Viettel, trên sim có hàng số cuối là 49212, qua sử dụng của bị cáo Lò Văn D.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Lò Văn D, Lò Thị T và Lò Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa, các bị cáo Lò Văn D, Lò Thị T và Lò Văn Q khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai trong quá trình điều tra.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo và trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa, các bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra, các bị cáo không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án. Các bị cáo hoàn toàn nhất trí với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La. Các bị cáo khẳng định việc khai báo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc các bị cáo đã thực hiện.

Xét lời khai của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 21 giờ 00 phút ngày 16/02/2020 tại nhà nghỉ Tùng Ngọc địa chỉ: Tổ 1, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; vật chứng đã thu giữ; biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định, niêm phong lại vật chứng; kết luận giám định, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Ngày 16/02/2020 các bị cáo Lò Văn D, Lò Thị T đã có hành vi tàng trữ 4,58 gam loại Methamphetamine và 0,34 gam loại Heroine = 4,92 gam; bị cáo Lò Văn Q đã có hành vi tàng trữ 0,58 gam loại Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Hành vi trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm tới chế độ quản lý độc quyền chất ma túy của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, làm gia tăng các tệ nạn xã hội.

Xét về nhân thân của các bị cáo thấy rằng các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, bị cáo Lò Văn Q năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La xử phạt 12 tháng tù về tội: Cố ý gây thương tích (Đã được xóa án tích). Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhận thức được tác hại của ma túy đối với bản thân, gia đình và xã hội nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, cần cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian dài là cần thiết, có như vậy mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo cũng cần xem xét sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo.

Phân hoá vai trò phạm tội: Bị cáo Lò Văn D là người chủ mưu khởi sự, rủ rê, lôi kéo và đưa ma túy cho Lò Thị T và Lò Văn Q sử dụng nên giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo Lò Thị T và Lò Văn Q là người tiếp nhận ý trí cùng nhau thuê phòng sử dụng và cất giấu ma túy do đó là đồng phạm trong vụ án với vai trò thực hành. Các bị cáo cố ý cùng thực hiện tội phạm do đó các bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự, khi quyết định hình phạt cần căn cứ Điều 58 Bộ luật Hình sự xem xét tính chất của đồng phạm, tính chất mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo.

[3] Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Các bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, bản thân không có công việc và thu nhập ổn định và không có tài sản gì có giá trị, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối là phạt tiền với các bị cáo.

[4] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 (Một) chiếc điện thoại di động màu vàng, loại màn hình cảm ứng, mặt sau có chữ “OPPO” thu giữ của bị cáo Lò Thị T; 01 (Một) chiếc điện thoại di động màu xanh đen, loại bàn phím, phía trên có chữ “NOKIA” thu giữ của bị cáo Lò Văn D, đều đã qua sử dụng. Quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa xác định đều là tài sản hợp pháp của các bị cáo, các bị cáo đã sử dụng vào việc trao đổi để cất giấu, tàng trữ ma túy. Do đó cần tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 03 vỏ phong bì niêm phong ban đầu đã bóc mở; 01 mảnh giấy vò kẹo cao su màu xanh; 03 mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ; 01 chiếc tất vải màu xám; 01 mảnh nilon màu xanh; Mẫu lưu D2 = 0,29 gam; D4 = 0,04 gam; D6 = 0,09 gam; D8 = 0,03 gam; D10 = 3,02 gam; 01 (Một) sim điện thoại mạng Mobifone, trên sim có hai hàng số, chữ cuối: 5408WD thu giữ của bị cáo Lò Thị T; 01 (Một) sim điện thoại mạng Viettel, trên sim có hàng số cuối là 49212, thu giữ của bị cáo Lò Văn D, xét thấy là vật Nhà nước cấm lưu hành và không có giá trị sử dụng, do đó cần tuyên tịch thu, tiêu hủy là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Đối với 44 viên hồng phiến, theo lời khai của các bị cáo đã sử dụng hết. Do đó không có căn cứ để điều tra xử lý các bị cáo D và T về số ma túy này.

[6] Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo (Như bị cáo đã khai) do bị cáo không biết rõ tên, địa chỉ, lai lịch của người này. Do đó không có căn cứ để điều tra xử lý.

Đối với Cẩm Thị Đ, trú tại: Bản N, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La ngày

16/02/2020 Đại cùng T, D và Q có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Xét ngày 28/4/2020, Công an thành phố Sơn La ra quyết định số 9419/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đối với Cầm Thị Đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định 167/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, là thỏa đáng cần chấp nhận. Do đó không đề cập đến việc xử lý.

Đối với ông Phạm Văn T là chủ nhà nghỉ Hà Thu, trú tại tổ 01, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La, ngày 15/02/2020, Lò Văn D thuê phòng 102 của nhà nghỉ trong thời gian từ 18 giờ 00 ngày 15/02/2020 đến 19 giờ 30 ngày 16/02/2020; bà Lê Thị T, trú tại tổ 01, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La, là chủ nhà trọ nơi Lò Thị T đang tạm trú, T thuê trọ của bà T từ khoảng đầu tháng 02/2020 đến khi bị bắt; bà Lò Thị T, trú tại tổ 01, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, chủ nhà nghỉ Tùng Ngọc là nơi D và Q thuê phòng số 406 trong thời gian từ khoảng 19 giờ 30 phút ngày 16/02/2020. Quá trình điều tra xác định, quá trình thuê phòng, ông T, bà T và bà T1 không biết việc các bị cáo sử dụng phòng trọ để làm nơi tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy. Do vậy không có căn cứ xử lý hình sự đối với ông Phạm Văn T, bà Lê Thị T và bà Lò Thị T1.

[7] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Lò Văn D, Lò Thị T phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Lò Văn D 60 (Sáu mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/02/2020.

- Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lò Thị T 48 (Bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/02/2020.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lò Văn Q phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Lò Văn Q 22 (Hai mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ

ngày 16/02/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

2. Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Về vật chứng của vụ án:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01(Một) chiếc điện thoại di động màu vàng, loại màn hình cảm ứng, mặt sau có chữ “OPPO” số Imei 1 có 05 số cuối 93074, qua sử dụng của bị cáo Lò Thị T. 01(Một) chiếc điện thoại di động màu xanh đen, loại bàn phím, phía trên có chữ “NOKIA” số Imei 5 số cuối 3229/1, qua sử dụng, của bị cáo Lò Văn D.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) phong bì đã được niêm phong bên trong gồm: 03 vỏ phong bì niêm phong ban đầu đã bóc mở; 01 mảnh giấy vỏ kẹo cao su màu xanh; 03 mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ; 01 chiếc tất vải màu xám; 01 mảnh nilon màu xanh; Mẫu lưu D2 = 0,29 gam; D4 = 0,04 gam; D6 = 0,09 gam; D8 = 0,03 gam; D10 = 3,02 gam; 01 (Một) sim điện thoại mạng Mobifone, trên sim có hai hàng số, chữ cuối: 5408WD, qua sử dụng của bị cáo Lò Thị T; 01(Một) sim điện thoại mạng Viettel, trên sim có hai hàng số, chữ cuối: 49212, qua sử dụng của bị cáo Lò Văn D.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/6/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Sơn La và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Lò Văn D, Lò Thị T và Lò Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND thành phố Sơn La;
- Công an thành phố Sơn La;
- Chi cục THADS thành phố Sơn La;
- Trại giam;
- THAHS;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Nguyễn Anh Đức**

